

PHỤ LỤC
NỘI DUNG BỔ SUNG CHƯƠNG VII

Điều	Nội dung
E-ĐKC 10	<p>Phương thức thanh toán: chuyển khoản.</p> <p>Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.</p> <p>Tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Khi có lệnh khởi công của gói xây lắp tương ứng, Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền bằng 20% giá hợp đồng trước thuế GTGT trong vòng 14 ngày kể từ ngày khởi công của gói xây lắp. ● Hồ sơ tạm ứng (03 bộ chính hoặc 01 bộ chính + 02 bộ sao y công chứng hoặc sao y đơn vị phát hành): <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị tạm ứng. + Bảo lãnh tạm ứng với giá trị tương ứng với số tiền đề nghị tạm ứng do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (theo quy định của hợp đồng). ✓ Bảo lãnh tạm ứng: yêu cầu nhà thầu mở tại Ngân hàng có Hội sở/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp nhà thầu mở Bảo lãnh tạm ứng tại các địa phương khác, phải có xác nhận của Hội sở/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh cho phép Chủ đầu tư được tịch thu bảo lãnh tạm ứng tại Hội sở/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. ✓ Khi thực hiện thủ tục tạm ứng, các Nhà thầu phải lập kế hoạch và cam kết sử dụng vốn tạm ứng phù hợp với quy định hợp đồng; ✓ Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận tiền tạm ứng, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Ban ALĐ về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, như: bảng kê thanh toán tiền công, tiền lương... phù hợp với kế hoạch, cam kết nêu trên. Theo đó, Ban ALĐ sẽ kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của việc sử dụng vốn tạm ứng. ✓ Sau 45 ngày kể từ ngày cấp tiền tạm ứng, trường hợp Nhà thầu không thông báo tình hình sử dụng hoặc sử dụng vốn tạm ứng không phù hợp, Ban ALĐ sẽ tiến hành thu hồi tiền tạm ứng hợp đồng hoặc tịch thu Bảo lãnh tiền tạm ứng nếu nhà thầu không thực hiện việc hoàn trả tiền tạm ứng. ✓ Đề nghị nhà thầu nghiên cứu văn bản số 984/ALĐ-TCKT ngày 18/3/2026 của Ban QLDA Lưới điện TP Hồ Chí Minh đính kèm ● Bảo lãnh tạm ứng: <ul style="list-style-type: none"> + Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo

Điều	Nội dung
	<p>hợp đồng về tài khoản của nhà thầu cho đến khi chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảo lãnh tạm ứng: yêu cầu nhà thầu mở tại Ngân hàng có Hội sở/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp nhà thầu mở Bảo lãnh tạm ứng, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại các địa phương khác, phải có xác nhận của Hội sở/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh cho phép Chủ đầu tư được tịch thu bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Hội sở/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. + Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: <ul style="list-style-type: none"> • Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. • Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. • Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. • Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. • Thu hồi tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được thu hồi theo tỷ lệ tương ứng ngay ở lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. + Các đợt thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> • Thanh toán giai đoạn: theo các đợt thanh toán giai đoạn của hợp đồng xây lắp tương ứng, với giá trị lũy kế bằng % khối lượng xây lắp tương ứng hoàn thành x giá trị hợp đồng, đồng thời sẽ thu hồi % giá trị tạm ứng (theo % tương ứng). • Khi thanh toán lũy kế đến 80% của giá trị hợp đồng khi khối lượng xây lắp hoàn thành $\geq 80\%$, đồng thời sẽ thu hồi lũy kế

Điều	Nội dung
	<p>100% giá trị tạm ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thanh toán lũy kế đến 95% giá trị hợp đồng khi có báo cáo kết quả giám sát và công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng. • 5% giá trị hợp đồng còn lại sẽ được thanh toán sau khi công trình được Bên A có báo cáo kiểm toán, quyết toán hoàn thành. <p><i>Lưu ý: Thuế GTGT áp dụng theo quy định hiện hành.</i></p> <p>Giá trị thanh toán chi phí TVGS của các đợt là giá trị thấp nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Giá trị chi phí TVGS được tính lại theo định mức dựa trên Gxd và Gtb được duyệt (theo QĐ phê duyệt TKKT-DTXDCT) nhân với tỷ lệ chiết giảm trong đấu thầu (giá chào thầu/giá gói thầu trong KHLCNT được duyệt) ✓ Giá gói thầu trong KHLCNT được duyệt ✓ Giá trị chi phí TVGS trong hợp đồng. <p>+ Hồ sơ thanh toán 3 bản chính (hoặc 1 bản chính + 02 bản sao y đơn vị phát hành):</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giấy đề nghị thanh toán; • Báo cáo công tác giám sát. • Biên bản nghiệm thu công tác TVGS; • Bản xác định kinh phí thanh toán. • Hoá đơn thuế giá trị gia tăng. <p>+ Thời hạn thanh toán: trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</p>
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng</p> <p>1.1 Đối với nhà thầu:</p> <p>a/ Nguyên tắc</p> <p>* Nội dung vi phạm về chất lượng hồ sơ tư vấn giám sát được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiệm thu không đúng thiết kế. - Giám sát thi công không đúng thiết kế bản vẽ thi công, biện pháp thi công được duyệt dẫn đến chất lượng không đảm bảo, gây nên sự cố công trình, phải phá đi làm lại, làm chậm tiến độ. - Kiểm tra, nghiệm thu khối lượng công việc, khối lượng thi công xây dựng và hồ sơ hoàn công không đúng theo bản vẽ thi công được duyệt và khối lượng thi công thực tế tại công trường gây nên sai phạm về khối lượng, ảnh hưởng đến công tác nghiệm

Điều	Nội dung
	<p>thu công việc/hạng mục/dự án phục vụ thanh quyết toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạt khi để xảy ra sai sót về an toàn, vệ sinh môi trường, chậm tiến độ mà không phát hiện báo cáo và chủ đầu tư. - Phạt khi nghiệm thu không đúng khối lượng, chất lượng. - Không thực hiện báo cáo giám sát online theo Quyết định số 5211/QĐ-EVNHCMC ngày 06/10/2025 của Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh. - Các nội dung sai sót khác gồm: vi phạm hợp đồng giám sát đã ký; chậm trễ trong nghiệm thu VTTB, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu đóng điện, nghiệm thu hạng mục/công trình hoàn thành; chậm trễ trong kiểm tra, xác nhận khối lượng; chậm báo cáo từ 3 ngày trở lên hoặc không báo cáo tình hình thi công hàng tuần cho chủ đầu tư; không ghi chép nội dung giám sát trong sổ nhật ký thi công; không cập nhật chương trình IMIS kịp thời; không có mặt trên công trường; không chụp hình, quay phim hoặc chụp hình, quay phim không đầy đủ các vị trí lắp khuất đúng theo quy định. <p>b/ Mức phạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; lần 1 - phạt 1 %, lần 2 và 3 - phạt 3%, lần 4 - phạt 5%. - Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng giám sát được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; lần 1 - phạt 1 %, lần 2 và 3 - phạt 3%, lần 4 - phạt 5%. - Tổng số tiền phạt không vượt quá 12 % giá trị hợp đồng (giá trị ghi trong webform chỉ mang tính chất tham khảo); mức phạt tối đa đến 12% sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu <p>1.2 Đối với Chủ đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải chịu phạt (đồng thời là mức bồi thường) cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu.

Điều	Nội dung
	<p data-bbox="407 226 1401 302">- Nghĩa vụ thanh toán được coi là hoàn thành từ khi chuyển đủ tiền trên tài khoản của Chủ đầu tư tại Ngân hàng cho Nhà thầu.</p> <p data-bbox="407 327 748 365">2. Bồi thường thiệt hại:</p> <p data-bbox="407 380 784 417">a/ Đối với bên nhận thầu:</p> <p data-bbox="407 432 1401 625">- Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định Khoản 1 Điều 13 ĐKCT, nhà thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của nhà thầu theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 13 ĐKCT (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng.</p> <p data-bbox="459 640 1382 716"><i>Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng</i></p> <p data-bbox="440 730 574 768">Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li data-bbox="492 783 1401 976">+ Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do nhà thầu gây ra như mua sắm lại vật tư thiết bị, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... <i>(trường hợp nhà thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này).</i> <li data-bbox="492 991 1401 1108">+ Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng. <p data-bbox="407 1123 732 1161">b/ Đối với chủ đầu tư:</p> <p data-bbox="407 1176 1401 1329">- Trường hợp, chủ đầu tư thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng và đã chịu phạt như quy định tại Khoản 1 Điều 13 ĐKCT thì không thực hiện việc bồi thường.</p>